TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2018
"về việc Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hùng Cường
2. Ông Đỗ Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 17/12/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 315/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2018 về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2018/QĐXX- ST ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Phan Thị Tr – sinh năm 1984

ĐKHKTT: Số 191, Quốc lộ 80, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số 4/1, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh T – sinh năm 1973

Địa chỉ:Số 191, Quốc lộ 80, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 17/4/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Tr, trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tr và anh T sống chung với nhau vào năm 2003 và có tìm hiểu nhau khoảng 1 năm mới tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn, được UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14 tháng 6 năm 2004. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 4 năm thì sau đó chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên đi uống rượu với bạn bè, chị cũng có khuyên nhiều lần nhưng anh T không sửa chữa, khi có rượu là anh T khó khăn với vợ con, chị cũng cố gắng chịu đựng để nuôi con, nhưng càng ngày anh T không quan tâm gì đến vợ con, nên đến tháng

02/2017 chị Tr dẫn hai con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, anh T cũng không đến thăm mẹ con chị Tr, chị Tr và anh T sống ly thân nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, tình cảm không còn, nên chị Tr quyết định xin ly hôn với anh T.

Về con chung: có hai người con chung tên: Phan Trường Ph – sinh ngày 06/02/2004 và Nguyễn Tấn T – sinh ngày 11/3/2010, hiện cháu Ph và cháu T sống chung với chị Tr. Chị Tr được tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị Tr và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh T, ngày 10/10/2018 có đơn trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của chị Tr về ngày tháng năm sống chung là đúng, không có tổ chức lễ cưới và đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/6/2004. Hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân ly hôn như chị Tr trình bày là đúng, do anh cũng có bạn bè đi uống rượu chị Tr không thích nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn, mất đi hạnh phúc gia đình, nên đến tháng 02/2017 chị Tr dẫn hai con về nhà cha mẹ ruột chị Tr sinh sống cho đến nay. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị Tr, anh xin chị Tr cho cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nuôi con, anh hứa sẽ sửa đổi, nếu trong hai tháng anh không thuyết phục được chị Tr trở về, anh sẽ đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: có hai người con chung tên: Phan Trường Ph – sinh ngày 06/02/2004 và Nguyễn Tấn T – sinh ngày 11/3/2010, hiện cháu Ph và cháu T sống chung với chị Tr. Anh T đồng ý để Chị Tr được tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị Tr và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng qui định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên toà Kiểm sát Viên đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

khỏan 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Tr, được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, chấp nhận chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Ph và cháu T, sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong thời gian chị Phan Thị Tr khởi kiện anh Nguyễn Thanh T có mặt tại địa phương cho đến nay và có sự xác nhận của Công an xã T, huyện C ngày 17/5/2018. Tòa án thụ lý vụ án và cấp tống đạt các thông báo, giấy triệu tập và Quyết định của Tòa án niêm yết hợp lệ đúng theo quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tại phiên tòa ngày 27/11/2018 và ngày 17/12/2018 bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Thanh T sống chung với nhau vào năm 2003, anh T, chị Tr tìm hiểu nhau khoảng 1 năm mới tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn, được UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14 tháng 6 năm 2004. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 4 năm thì sau đó chị Tr và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẩn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên đi uống rượu với bạn bè, không thường xuyên về nhà, chị cũng có khuyên nhiều lần nhưng anh T không sửa chữa, khi có rượu anh T khó khăn với vợ con, chị cũng cố gắng chịu đựng để nuôi con, nhưng càng ngày anh T không quan tâm gì đến vợ con, nên đến tháng 02/2017 chị Tr dẫn hai con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, anh T cũng không đến thăm mẹ con chị Tr, chị Tr và anh T sống ly thân nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay nhận thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh T không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, tình cảm không còn, nên chị Tr quyết định xin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

Tòa án lấy lời khai của cháu Phan Trường Ph và Nguyễn Tấn T, từ tháng 02 năm 2017 hai cháu và chị Tr về nhà ông bà ngoại sinh sống cho dến nay, nguyện vọng của cháu Ph và cháu T là tiếp tục được sống chung với chị Tr sau khi cha mẹ ly hôn.

- Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình qui định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành, thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được".

- Xét thấy chị Tr và anh T không hợp tác giải quyết được tình cảm mà xảy ra mâu thuẩn trầm trọng, chị Tr đã ly thân với anh T từ tháng 02/2017 cho đến nay, anh T cũng không tìm cách nào để thuyết phục chị Tr sống chung lại với nhau, anh T không quan tâm cuộc sống chung trong gia đình, mục đích hôn nhân cũng không đạt được, nên chị Tr quyết định xin ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung*:* có hai người con chung tên: Phan Trường Ph – sinh ngày 06/02/2004 và Nguyễn Tấn T – sinh ngày 11/3/2010, hiện cháu Ph và cháu T sống chung với chị Tr. Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý theo nguyện vọng của hai con là để Chị Tr được tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị Tr và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Do đó, Chị Tr phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

***Tuyên* xử**:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ky hôn của chị Phan Thị Tr, chị Phan Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: có hai người con chung tên: Phan Trường Ph – sinh ngày 06/02/2004 và Nguyễn Tấn T – sinh ngày 11/3/2010, hiện cháu Ph và cháu T sống chung với chị Tr. Chị Tr quyền được tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý theo nguyện vọng của hai con là để chị Tr được tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Nguyễn Thanh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, chị Tr và các thành viên trong gia đình chị Tr không được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: chị Tr và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: chị Phan Thị Tr nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Tr đã nộp ngày 18/9/2018 theo biên lai số 03387 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, số tiền này được chuyển thành án phí hôn nhân gia đình chị Tr phải nộp (chị Tr đã nộp xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thị hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định của tòa án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh (1);
- Viện kiểm sát ND.H Châu Thành (1);
- Chi cục Thi hành án DS. H Châu Thành (1);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án HNGĐ (1);
- Lưu Văn thư (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thế Trung